

## DẤU ẤN CHƯƠNG THỜI TÂY SƠN TRÊN VĂN BẢN HÁN NÔM HUẾ

Lê Nguyễn Lưu\*

So với các triều đại quân chủ Việt Nam, triều đại Tây Sơn chỉ tồn tại trong một thời gian tương đối ngắn, nhưng đã gây được tiếng vang lớn và để lại một sự nghiệp vẻ vang trong lịch sử dân tộc. Kể từ khi bắt đầu nổi dậy chống thế lực của các chúa Nguyễn ở Đàng Trong năm 1771 đến thời điểm cáo chung của niên hiệu Bảo Hưng ở Bắc Thành năm 1802, nhà Tây Sơn đã kéo dài tròn 30 năm. Nhưng sử sách thường ghi nhận một cách chính thức rằng triều đại này chỉ thực sự kéo dài từ năm 1788 khi Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế ở Phú Xuân, đến năm 1801 lúc triều đình Cảnh Thịnh rút khỏi nơi đây để chạy ra Bắc, nghĩa là trong vòng 14 năm mà thôi. Dân gian cũng tính toán như thế:

*Đầu cha lấy làm chân con,  
Mười bốn năm tròn hết số thì thôi!<sup>(1)</sup>*

Đây cũng là thời gian chính thức mà triều Tây Sơn hiện diện trên vùng đất Thuận Hóa - Phú Xuân, nay là Thừa Thiên Huế, không kể đến hình ảnh mờ nhạt của Trung ương Hoàng đế Nguyễn Nhạc tại Quy Nhơn. Tuy nhiên, sự thật lịch sử cho thấy sự hiện diện ấy sớm hơn, từ năm 1786, khi Nguyễn Huệ giải phóng vùng đất này. Chính tại nơi đây, phong trào Tây Sơn đã phát triển đến đỉnh cao dưới thời Quang Trung (1788- 1792).<sup>(2)</sup> Thuận Hóa - Phú Xuân là nơi vị anh hùng dân tộc ấy lật đổ ngai vàng chúa Nguyễn, làm bàn đạp để tiến thẳng ra Thăng Long “phò Lê diệt Trịnh”, hay dong cờ vào Nam đánh đuổi giặc Xiêm, mở đầu hành trình thống nhất đất nước. Tại đây, Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế, chọn Phú Xuân làm kinh đô, tập hợp lực lượng và phát động cuộc hành quân Bắc tiến dẹp tan giặc Thanh xâm lược. Cũng tại đây, vua Quang Trung ban hành những chính sách mới, thu dụng nhân tài, mở mang kinh tế, giáo dục, văn hóa... để xây dựng tổ quốc, và cũng tại nơi đây, vị hoàng đế lâm cơn bạo bệnh, nằm xuống trong một khu lăng tẩm đầy bí ẩn nhưng rồi chẳng được yên giấc nghìn thu... Thuận Hóa - Phú Xuân còn là nơi trực tiếp chứng kiến sự mâu thuẫn nội bộ sâu sắc của triều đình vua Cảnh Thịnh (1793-1801) làm cho sự nghiệp lừng lẫy của nhà Tây Sơn phải đi đến chỗ suy tàn và cáo chung.

Thời gian ngắn ngủi ấy đã chìm sâu vào dĩ vãng, nhưng đã để lại trên đất này nhiều vết tích chưa phai, trong đó có những văn bản Hán Nôm trong “hòm bộ” các làng xã mà khối lượng không phải là ít, từ niên hiệu Thái Đức thứ 11 (1788) đến niên hiệu Cảnh Thịnh thứ 8 (1800). Khối lượng văn bản này giúp ích rất nhiều trong công tác nghiên cứu triều đại nhà Tây Sơn về mọi phương diện, như kinh tế, quân sự, giáo dục, xã hội... Trong bài viết này, chúng tôi đi vào đề tài tìm hiểu dấu ấn chương thời kỳ lịch sử này.

\* Thành phố Huế.

Từ trước đến nay, không phải không có nhà nghiên cứu nào chú ý đến mảng ấn triện và dấu ấn triện trên văn bản Hán Nôm thời Tây Sơn, nhưng nói chung chưa đầy đủ. Trong cuốn sách *La Sơn phu tử* xuất bản tại Paris năm 1952, học giả Hoàng Xuân Hãn đã công bố một số bức thư, bài chiếu và những dấu ấn triện đóng trên đó. Gần đây, Nguyễn Công Việt vận dụng kết quả ấy cùng vài hiện vật lưu trữ ở Viện Bảo tàng Lịch sử Việt Nam tại Hà Nội và vài văn bản Hán Nôm sưu tầm được tại miền Bắc để soạn phần *Ấn chương Việt Nam thời Tây Sơn* trong cuốn *Ấn chương Việt Nam* xuất bản năm 2005 (Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội). Nay, chúng tôi kết hợp với những văn bản Hán Nôm ở các làng xã Thừa Thiên Huế để trình bày đầy đủ hơn, xin nói “đầy đủ hơn” chứ không dám nói là “hoàn toàn đầy đủ”.

## I. Dấu ấn trung ương

### 1. Dấu ấn hoàng đế

Năm 1776, Nguyễn Nhạc xưng Thiên vương, đóng ở chùa Thập Tháp (Bình Định), phong Nguyễn Huệ làm Phụ chính, Nguyễn Lữ làm Thiếu phó. Đến năm 1778, lực lượng đã mạnh, Nguyễn Nhạc tự xưng Trung ương Hoàng đế, đóng đô tại Bình Định, sửa sang thành Vijaya cũ của Champa (Đô Bàn hay Chà Bàn) làm Hoàng Đế thành, đặt niên hiệu là Thái Đức, đúc ấn lớn ba lần mới được (sử không cho biết ấn đề những chữ gì, còn ấn *Quảng vận chi bảo* là của Nguyễn Huệ), phong Nguyễn Huệ làm Long Nhượng Tướng quân, Nguyễn Lữ làm Tiết chế. Năm 1786, Nguyễn Huệ giải phóng Thuận Hóa, thắng ra Bắc Hà, lật đổ chúa Trịnh, trả quyền lại cho vua Lê. Trung ương Hoàng đế lo ngại, cấp tốc dẫn quân ra Thăng Long “điều” em về, sau đó, phong Nguyễn Huệ làm Bắc Bình vương, Nguyễn Lữ làm Đông Định vương. Bấy giờ, vì vấn đề “chia chác” kho báu vật lấy được từ Đàng Ngoài, anh em xích mích nhau, Nguyễn Huệ vào bao vây Hoàng Đế thành, Nguyễn Nhạc cuối cùng phải khóc lóc năn nỉ mới thoát khỏi chiến tranh tương tàn. Nguyễn Huệ đóng tại Phú Xuân, xưng An Nam Đại nguyên soái (1786), rồi đổi Đại nguyên soái Tổng quốc chính Bình vương (1787), tuy chưa tổ chức triều đình, nhưng cũng đã đặt một số cơ quan (như lục bộ), một số chức danh phong cho người thân tín và sĩ phu, quan lại cựu triều mới theo về (như Phan Huy Ích, Ngô Thì Nhậm, Đoàn Nguyễn Tuấn...).

Thời gian này, Nguyễn Huệ vẫn dùng niên hiệu Thái Đức. Theo phát hiện của học giả Hoàng Xuân Hãn, ông đã nghiêm nhiên dùng thể loại chiếu trong những bức thư gửi dật sĩ La Sơn Nguyễn Thiếp<sup>(3)</sup> và cũng đóng dấu ấn *Quảng vận chi bảo*, nhưng chắc chắn đây là ấn riêng của Bình vương,<sup>(4)</sup> không phải của Trung ương Hoàng đế. Nguyễn Huệ ba lần mời Phu tử ngay trong năm 1787, lần nào cũng có thư.<sup>(5)</sup> Hoàng Xuân Hãn đều dẫn dịch cả ba bức, riêng bức thứ ba có phụ lục ảnh minh họa nhưng không ghi kích cỡ. Theo mô tả của Nguyễn Công Việt, người có cơ hội trực tiếp với văn bản, thì dấu son ấy kích cỡ vuông vắn 11,5 x 11,5cm, khắc bốn chữ triện 廣運之寶 *Quảng vận chi bảo* (hai dòng, dòng hai chữ). Ngoài ra, còn có ba dấu ấn kiềm cũng khắc chữ triện (Hoàng Xuân Hãn cho là chữ “鈴印 *kiềm ấn*”, Nguyễn Công Việt cho là chữ “信印 *tín ấn*”). Ấn *Quảng vận chi bảo* này đóng trên các văn bản: chiếu của Bình vương gửi Nguyễn Thiếp nhờ xem đất chọn hướng ở Phù Thạch (Nghệ An) để xây dựng đô thành, đề ngày 19 tháng Sáu năm Thái Đức thứ 11 (1788); chiếu của Bình vương gửi La Sơn phu tử nhắc nhở việc xem phong thủy chọn đất xây dựng đô thành ở Yên Trường (nay là thành phố Vinh), đề ngày mồng 3 tháng Chín năm Thái Đức thứ 11 (1788), Hoàng Xuân Hãn đã dẫn dịch trong *La Sơn*

*phu tử*; chiếu trách La Sơn phu tử từ chối bổng lộc một xã do vua ban và nói đến việc xây dựng kinh đô mới đã hoàn thành, đề ngày mồng 5 tháng Mười năm Quang Trung thứ 2 (1789). Trong những tờ chiếu này, văn phong phần nhiều là Hán xen Nôm, lối viết thông thường cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX, hình như người ta muốn dùng Nôm nhưng chưa thể tách rời truyền thống dùng Hán.

Như thế thì Nguyễn Huệ tự xem mình đã là hoàng đế trên lãnh thổ thuộc quyền mình ngay từ khi còn là Bình vương. Các làng xã ở Thuận Hóa còn lưu trữ một số văn bản Hán Nôm giai đoạn này, nhưng chưa đóng dấu ấn. Cuối năm 1788, Nguyễn Huệ mới chính thức lên ngôi với lý do:

*“Trẫm dựng lại nhà Lê, nhưng Lê tự quân để mất xã tắc, bỏ nước chạy trốn. Sĩ dân Bắc Hà không theo về họ Lê lại dựa vào trẫm. Đại huynh vì khó nhọc mà mới mệt, chỉ muốn giữ một phủ Quy Nhơn, khiêm nhường xưng làm Tây vương. Máy nghìn dặm đất ở cõi nam thuộc về trẫm cả”<sup>(6)</sup>, lại thêm: “Tuớng sĩ văn võ, thần liêu trong ngoài đều muốn trẫm sớm định vị hiệu, để thu phục lòng người, dâng biểu khuyên mời đến hai ba lần. Các tờ biểu vàng suy tôn, không hện nhau mà cùng một lời.”<sup>(7)</sup>*

Đại lễ tế trời xuất quân đánh giặc Thanh tại núi Bân đồng thời cũng là lễ công bố tờ chiếu và niên hiệu mới Quang Trung. Nhưng phải đợi sau khi quét sạch bọn xâm lược, trở về Phú Xuân, vị tân hoàng đế mới có thể xếp đặt triều nghi với sự giúp đỡ của Trung thư lệnh Trần Văn Kỷ cùng hai cựu thần nhà Lê là Phan Huy Ích và Ngô Thì Nhậm. Từ đây, nói đến Tây Sơn, người ta chỉ biết đến triều đình Phú Xuân mà quên mất triều đình Quy Nhơn. Nguyễn Nhạc chỉ còn là cái bóng mờ trong lịch sử. Quyền lực của vua Quang Trung bao trùm lên cả nước chứ không phải chỉ riêng ở xứ Thuận Hóa, nhất là về quân sự.

Tuy ở vị thế mới, nhưng vua Quang Trung vẫn dùng khuôn dấu cũ, như trên tờ chiếu năm Quang Trung thứ 2 (1789) gửi cho La Sơn phu tử, ấn *Quảng Vận chi bảo* đóng vào cuối văn bản, mép trên đề lên ngay phía dưới chữ “中 Trung”. Ngoài ra cũng còn có dấu kiem nhỏ cỡ 2,2 x 3,0cm, khắc hai chữ (theo Hoàng Xuân Hãn là 鈐印 *kiêm ấn*, còn theo Nguyễn Công Việt là 信印 *tín ấn*), và một dấu hình chữ nhật dài theo chiều dọc, đóng đề lên năm chữ 詔羅山夫子 *Chiếu La Sơn phu tử*, khắc chỉ một dòng bốn chữ 御用之寶 *Ngự dụng chi bảo*. Tìm trong các “kho” văn bản làng xã vùng Huế, chúng tôi cũng chưa hề phát hiện được những loại dấu ấn này.

Ngay loại sắc phong bằng giấy long đằng thời Tây Sơn cũng hoàn toàn vắng bóng, có lẽ trên địa bàn quan trọng của triều Nguyễn, nhân dân e ngại nên đã tự thiêu hủy hết, trong lúc ở Quảng Trị hay ở Quảng Nam, có gia đình còn giữ được. Tại làng Xuân Hòa (xã Hương Long, thành phố Huế), từ đường gia tộc họ Lê có lồng khung kính treo một tờ sắc viết trên giấy thường khổ rộng, khá tốt, nội dung phong cho ông Lê Văn Đàm (gia phả ghi Lê Quang Đàm) tước Đàm Ân nam,<sup>(8)</sup> dòng niên đại đề 景盛元年三月十三日 *Cảnh Thịnh nguyên niên tam nguyệt thập tam nhật* (ngày 13 tháng Ba năm Cảnh Thịnh thứ nhất, tức ngày 23/4/1793), đóng dấu son 敕命之寶 *Sắc mệnh chi bảo*. Lê Quang Đàm, sau đổi tên Thiêm, là con ông Lê Trường Xuân, cháu gọi ông Lê Quang Việp (? -1804)<sup>(9)</sup> bằng chú, nguyên làm Thủ hợp đạo Cam Lộ<sup>(10)</sup> cuối đời Định vương Nguyễn Phúc Thuần, ra hợp tác với Tây Sơn, làm Tư vụ đời Cảnh Thịnh, tước Đàm Ân nam; lại được nhà Nguyễn dùng, năm Gia Long 12 (1813) làm Lại Bộ Lệnh sử ty Thủ hợp, tước Thiêm Lộc tử; năm Minh Mạng 1 (1820) thăng Lệnh sử ty cai hợp.





救命之寶 (SẮC MỆNH CHI BẢO)  
 Cái ấn này, cấp trong đạo sắc của Phan Huy Ích, (người thay Thụy Nhân, Đại Từ sai, phủ Quốc-ai, tích Sơn-tây) do vua Quang-Trung ngày 18 tháng 4 nhuận niên hiệu Quang-Trung thứ 5 (1792) gia phong: đặc tiến Kim-tử Vinh-lộc đại-phu, Thị-trung ngự-sử, tước Thụy-Nham-hầu, tu ch-khánh-thượng-dụ.  
 Chữ ở bút tích cái là hiện nay là chữ khác, hiện nay không còn, vì nạn binh cách sau hồi tháng Chạp 1946. (12)  
 C. Hoa Bàng tin rằng  
 C. Hoa Bàng tin rằng  
 C. Hoa Bàng tin rằng



Ấn Sắc mệnh chi bảo và Quảng vận chi bảo

H.84 Dấu Sắc mệnh chi bảo 救命之寶  
 triều Quang Trung

(Dưới là bút tích của cụ Hoa Bàng ghi ngày 11-12-1949)

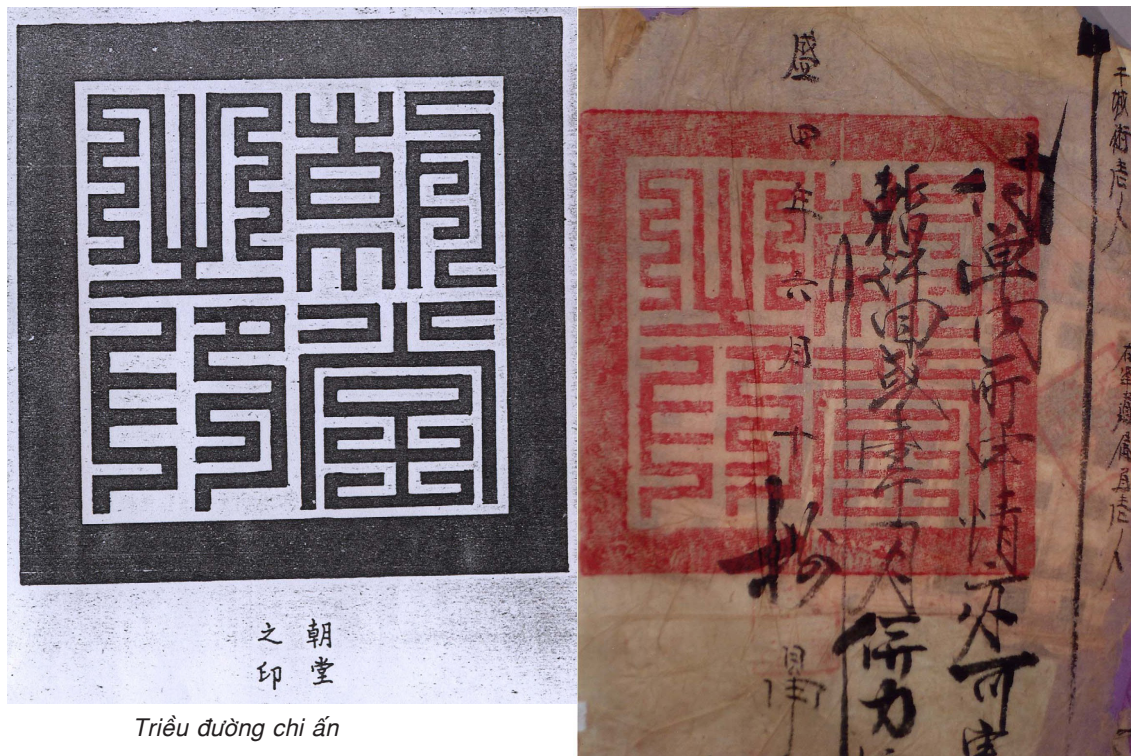
Ấn *Sắc mệnh chi bảo* này hình vuông, cỡ 11,5 x 11,5cm, gờ viền dày 01cm, chữ triện khắc hai dòng, dòng hai chữ, trông cũng giống dấu ấn của cụ Hoa Bàng cung cấp. Nguyễn Công Việt mách rằng trước đây, cụ Hoa Bàng Hoàng Thúc Trâm sao lại và tặng cho một cán bộ của Viện Nghiên cứu Hán Nôm “*hình dấu Sắc mệnh chi bảo (救命支寶) in trong đạo sắc mà vua Quang Trung sắc phong cho Phan Huy Ích chức Đặc tiến Kim tử Vinh lộc đại phu, Thị trung ngự sử, tước Thụy Nham hầu. Niên đại của sắc phong ghi ngày 18 tháng 4 nhuận niên hiệu Quang Trung thứ 5 (1792)*”<sup>(11)</sup> Hình mặt ấn được in lại kèm trong sách *Ấn chương Việt Nam* ở trang 267. Không rõ kích cỡ thực tế, nhưng có lẽ cũng như dấu ấn trong sắc phong Lê Văn Đàm. Nét chữ đều uốn vuông nhưng không gãy góc, riêng chữ “*chi*” lại khác với cũng chữ ấy trong ấn *Quảng vận chi bảo*: trong ấn *Quảng vận*, nét ngang đáy tách rời ra, nét chữ U trên thì bẻ thẳng lên hai nhánh hai bên; trong ấn *Sắc phong*, thì nét sổ giữa thẳng suốt xuống dính liền với nét ngang đáy, còn nét chữ U trên thì uốn hai chiều, lên rồi xuống hai bên. Cụ Hoa Bàng tin rằng “*cái sử liệu này là đúng chắc nhưng hiện nay không còn, vì nạn binh cách sau hồi tháng Chạp 1946*”<sup>(12)</sup>

## 2. Ấn của triều đình

Vua Quang Trung đã cho tổ chức một bộ máy hành chính đầy đủ từ trên xuống dưới, từ trung ương đến địa phương. Tất cả đã dần dần đi vào hoạt động có quy củ chứ không tùy tiện như giai đoạn quân quản trước đó. Cơ quan, viên chức nào cũng có ấn chương riêng để xác tín văn thư. Vua Gia Long nhà Nguyễn sau khi khôi phục Phú Xuân và chiếm được Bắc Hà, sai thu hồi hết ấn chương của “*ngụy triều*” rồi cất vào kho, về



sau thấy không dùng để làm gì, mới đem thiêu hủy tất cả. Vì vậy, phần lớn chúng ta chỉ biết được qua những dấu đóng trên văn bản Hán Nôm còn lại mà thôi.



Triều đường chi ấn

Đầu tiên là dấu ấn của triều đình. Rất họa hiếm, chúng tôi chỉ mới thấy một văn bản duy nhất của xã Hồng Ân (cũng có tên Hồng Phúc, nay làng Thanh Phước, thuộc xã Hương Phong, huyện Hương Trà) có đóng dấu ấn này. Đó là một tờ “thân” gồm 3 tờ giấy khổ lớn, mỗi tờ gấp đôi thành hai trang, trang đầu ghi nội dung bốn dòng, đại ý xin “chỉ giáo” cách xếp lại một số binh lính để quân cấp ruộng đất, và mấy dòng kê danh sách (chức danh và đơn vị phía trên, quan phê loại hạng phía dưới có đóng ấn kiểm), các trang tiếp theo (2, 3, 4) cũng thế; cuối trang thứ tư và đầu trang thứ năm có lời phê của quan; giữa trang thứ năm đề niên đại “景盛四年六月十捌日 *Cảnh Thịnh tứ niên lục nguyệt thập bát nhật*” (ngày 18 tháng Sáu năm Cảnh Thịnh thứ 4, tức là ngày 22/7/1796), bên phải là hai dòng phê chữ lớn nhưng nguệch ngoạc khó đọc của quan, bên trái ghi tên ba viên chức xã (trùm, xã chính, xã sử) in dấu tay, rồi tiếp tục một số người nữa ở trang thứ sáu. Một dấu ấn lớn đóng ở dòng niên đại, mép trên trùm lên đầu chữ 四 *tứ*, phủ cả phần trên hai dòng phê. Mặt ấn khổ 11 x 11cm, đường gờ viền dày 0,1cm, khắc chữ triện hai dòng, dòng hai chữ 朝堂之印 *Triều đường chi ấn*. Nét chữ dày 0,2cm, trong đó, chữ “chi” khác hẳn cả hai ấn trên đây: nét sổ giữa cũng dính liền với nét ngang đáy, nhưng nét chữ U rất hẹp, vươn lên ngang với nét sổ giữa (tận đầu chữ), bề vuông góc ra hai bên rồi ngoặt xuống, uốn thước thợ mấy khoanh.

Trong dịp nghiên cứu về Nguyễn Thiếp, Hoàng Xuân Hãn cũng đã phát hiện được một số văn bản có đóng dấu *Triều đường chi ấn* này, số liệu kích cỡ do Nguyễn Công Việt cung cấp là 11,3 x 11,3cm, chênh lệch với số liệu của chúng tôi

chút ít, chắc chỉ vì cách thức và dụng cụ đo đạc. Văn bản thứ nhất là tờ “truyền” khoảng 100 chữ, đề 光中五年閏四月十四日 *Quang Trung ngũ niên nhuận tứ nguyệt thập tứ nhật* (ngày 14 tháng Tư nhuận năm Quang Trung thứ năm, tức ngày 13/6/1792), nội dung trách La Sơn phu tử ở Viện Sùng Chính dịch sách không kịp tiến độ. Văn bản thứ hai cũng là tờ “truyền” đề 光中五年六月初四日 *Quang Trung ngũ niên lục nguyệt sơ tứ nhật* (ngày mùng 4 tháng Sáu năm Quang Trung thứ năm, tức ngày 22/7/1792), nội dung về việc giục Viện trưởng Viện Sùng Chính Nguyễn Khải Xuyên (tức La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp) và các viên Hàn lâm Nguyễn Công, Nguyễn Thiện, Phan Tố Định và Bùi Dương Lịch (đều là những nhà Nho xứ Nghệ) dịch và giải ba bộ Kinh Thi, Thư và Dịch trong ba tháng phải xong. Hai văn bản này có đóng dấu kiểm vuông nhỏ khắc hai chữ triện “小印 tiểu ấn” (văn bản của chúng tôi không có dấu ấn này, nhưng có dấu ấn kiểm hình bầu dục tương đối lớn). Nhân dấu *Triều đường chi ấn* này, Nguyễn Công Việt viết:

“Bản “truyền” đã cho ta thấy được tổ chức chính quyền thời Quang Trung có hình thức tổ chức Triều đường. Triều đường ở đây tức là triều đình mà đại diện là một số đại thần văn quan võ tướng số một của chính quyền Quang Trung, chủ yếu là những văn quan tài giỏi thay mặt vua giải quyết những vấn đề quan trọng, ra một số văn bản chỉ định. Tổ chức này giống như tổ chức Đình thần (hay Công đồng) ở thời Nguyễn sơ sau này. Quang Trung đã thu phục và sử dụng được nhiều văn thần tài giỏi như Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích v.v..., họ đã thay mặt Quang Trung giải quyết nhiều việc quan trọng về đối nội cũng như đối ngoại. Ấn dấu Triều đường chi ấn cũng không phải là ấn dấu của một tổ chức, một cơ quan riêng biệt nào trong chính quyền Quang Trung và phải chăng mô hình ấn dấu Đình thần chi ấn, Công đồng chi ấn với chức năng tương tự ở thời Nguyễn sơ sau này có nhiều điểm tương đồng (?).”<sup>(13)</sup>

(Con nĩa)

L N L

## CHÚ THÍCH

- (1) Câu này tương truyền là “sấm Trạng Trình”, nhưng có lẽ chỉ là loại ca dao tuyên truyền của phe đối lập. Trong chữ *Quang* 光 tên niên hiệu của Nguyễn Huệ, chữ *tiểu* 小 nằm bên trên (“đầu cha”), còn trong chữ *Cảnh* 景 tên niên hiệu của Nguyễn Quang Toàn, chữ *tiểu* lại nằm bên dưới (“chân con”).
- (2) Trước đó là niên hiệu Thái Đức của Nguyễn Nhạc. Niên hiệu Quang Trung năm đầu chỉ có hai tháng cuối năm Mậu Thân (cuối năm 1788 ăn qua đầu năm 1789).
- (3) Trong bài tựa cuốn *La Sơn phu tử* đề tháng Năm năm Ất Dậu (1945), Hoàng tiên sinh kể chuyện năm 1939 tới thăm nhà thờ họ Nguyễn ở làng Nguyệt Ao, được hậu duệ La Sơn phu tử mở ống cho xem tập văn bản cổ, “nào chiếu, nào thư, nào tờ truyền, nào đạo sắc. Niên hiệu Cảnh Hưng, Thái Đức, Cảnh Thịnh, Quang Trung. Lối chữ đủ lối chân, lối thảo, lối nghiêm trang của người thư lại, lối linh động của bậc túc nho”, “dấu son còn đỏ chói, chữ mực vẫn chưa phai; duy chỉ giấy xưa lâu ngày đã thành vàng úa, và bị cuốn chặt quá nên mép rách sờn”.
- (4) Trong danh xưng Đại nguyên soái Tổng quốc chính Bình vương, theo chúng tôi, tước hiệu là Bình vương, chứ không phải Chính Bình vương như Hoàng Xuân Hãn hiểu. Cụ Hoàng không nói ra, nhưng trong cách viết đã thể hiện điều đó; cụ viết hoa chữ “Chính” và có cái gạch nối theo lối chính tả đương thời (*Đại-nguyên-súy Tổng-quốc Chính-bình-vương*. Sdd, tr. 103) hay viết riêng (*Chính-bình-vương đã lấy sự cứu vớt sinh dân...* Sdd, tr. 106). Nguyễn Công Việt cũng theo như thế trong sách *Ấn chương Việt Nam* (Ông viết: *Đại Nguyên súy Tổng quốc Chính Bình vương*. Sdd, tr. 219). *Đại nguyên soái* là chỉ huy tối cao về võ, *Tổng quốc chính* là nắm hết việc chính trị trong nước. Đối chiếu với danh xưng của các chúa Trịnh: Đại nguyên soái Chuông quốc chính Thượng sư Tây vương (Trịnh Tạc), Nguyên soái Tổng quốc chính An Đô vương (Trịnh Cương). *Chuông quốc chính* cũng như *Tổng quốc chính*.

- (5) Lần thứ nhất, Nguyễn Huệ xưng An Nam Đại nguyên súy, thư đề ngày 18 tháng Chạp năm Thái Đức thứ 9 (25/1/1787), Nguyễn Thiếp từ chối (thư đề mồng 9 tháng Giêng năm Cảnh Hưng thứ 48, tức 15/2/1787). Lần thứ hai, Nguyễn Huệ xưng Đại nguyên súy Tổng quốc chính Bình vương, thư đề ngày mồng 1 tháng Tám năm Thái Đức thứ 10 (12/9/1787), Nguyễn Thiếp cũng từ chối (thư đề ngày mồng 5 tháng Chín năm đầu Chiêu Thống, tức 15/10/1787). Lần thứ ba, Nguyễn Huệ vẫn xưng như lần trước, thư viết dài hơn, đề ngày 13 tháng Chín năm Thái Đức thứ 10 (23/10/1787). Không rõ lần này, La Sơn phụ tử trả lời như thế nào.
- (6), (7) Mai Quốc Liên dịch. *Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm*, Quyển II, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1978, tr. 103-109.
- (8) Huỳnh Đình Túc ở làng Long Hồ cũng có hai sắc phong, nhưng tiếc là nguyên bản đã mất vì trận lũ lụt 1953, chỉ còn bản sao chép lại trong gia phả họ Huỳnh.
- (9) Lê Quang Việp (tên này chữ Hán viết 曄 nên có người đọc nhầm là Hoa) con của ông Lê Thanh Uyên, người làng Xuân Hòa, huyện Hương Trà (nay thuộc xã Hương Long, thành phố Huế), sau đổi tên Thế [Thái], hiệu Hoa Đường. Ông giỏi nghề thuốc, làm tại Viện Thái y thời Tây Sơn, năm Cảnh Thịnh 5 (1797) giữ chức Bảo hòa đại phu, tước Thế Đức bá. Đầu đời Gia Long, ông vẫn được lưu dụng, làm Y phó viện Lương Y, tước Thế Đức nam (thăng chức, hạ tước). Ông mất ngày 19 tháng Bảy năm Giáp Tý, Gia Long 3 (23/ 8/1804).
- (10) Đạo Cam Lộ thuộc phía tây tỉnh Quảng Trị ngày nay.
- (11) (12) Nguyễn Công Việt, Sdd, tr. 264.
- (13) Nguyễn Công Việt, Sdd, tr. 255-256.

### TÓM TẮT

Quân Tây Sơn có mặt trên đất Thuận Hóa từ năm 1786, nhưng nhà Tây Sơn chỉ bắt đầu từ cuối năm 1788, trải qua hai triều Quang Trung (1788-1792) và Cảnh Thịnh (1793-1800). Với thời gian ngắn ngủi ấy, nhà Tây Sơn đã tổ chức được một hệ thống chính quyền từ trung ương đến địa phương, phản ánh qua những dấu ấn chương trên văn bản Hán Nôm vùng Huế như *Quảng vận chi bảo*, *Sắc mệnh chi bảo* của hoàng đế; *Triều đường chi ấn* của nhóm đại thần tín cẩn trong triều; ấn của sáu bộ; ấn quan phòng của các viên chức. Tuy nhiên, các cơ quan hành chính không có nhiều việc để làm, vì tất cả đều do quân đội chịu trách nhiệm, các đơn vị đóng trên địa bàn nào thì quản lý luôn ruộng đất, dân chúng của địa bàn ấy. Tình hình này phản ánh qua các văn bản về điền địa, tô thuế, dân đinh, đều do thủ trưởng các đơn vị ấy giải quyết, để lại dấu ấn chương đóng trên những tờ kê khai, đơn khiếu nại về các vấn đề này, như *Hữu Bất đạo quản Hồ Thành vệ Súng ty*, *Thị nội Chấn Uy nhất vệ bát hiệu chỉ huy Lực Tài bá*, *Quản Trung Thủy chi Kim Sơn cơ đô đốc*. Nhà Tây Sơn với vồn vẹn 14 năm, chưa thể thoát khỏi chế độ quân quản trong buổi đầu, vẫn phải tập trung lực lượng quân sự để chống lại sự xâm lược của ngoại bang và thế lực Nguyễn Ánh đang phục hưng ở Gia Định.

### ABSTRACT

#### THE DYNASTIC SEAL OF THE TÂY SƠN MONARCHY ON THE CHINESE AND NÔM TEXTS OF HUẾ

The army of Tây Sơn put in its presence in Huế since 1786, but the Tây Sơn Dynasty was officially established only since the late 1788, which was composed of the two reigns of King Quang Trung (1788-1792) and King Cảnh Thịnh (1793-1800). In such a short period of time, the Tây Sơn Dynasty succeeded to organize an administrative system for all levels from the central government down to the local administration, which is reflected through the dynastic seals printed on the Chinese and nom texts, the then official documents in connection with Huế such as *Quảng vận chi bảo*, *Sắc mệnh chi bảo* issued by the Tây Sơn Kings; "*Triều đường chi ấn*" issued by the group of trustworthy mandarins in the Court; The seals of the six ministries; The personal seals of the court officials. However, the administrative offices did not have much to do since the army took charge of almost everything: A military unit deployed at a place was to manage the land and control the people there, too. This situation is reflected through the fact that all the documents regarding agrarian matters, taxes, personnel were ratified by the military leader of the unit who left their seals on the declaration forms, or letters of complaints. The seals were *Hữu Bất đạo quản Hồ Thành vệ Súng ty*, *Thị Nội Chấn Uy nhất vệ bát hiệu chỉ huy Lực Tài bá*, *Quản Trung Thủy chi Kim Sơn cơ đô đốc*. The Tây Sơn Dynasty with its mere 14 years of existence could not have given up its preliminary military government for the demands to fight against foreign invasion as well as against the antagonist forces of Nguyễn Ánh reemerging in Gia Định.